TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KĐ** **TỈNH HY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 38**/2023/HSST
Ngày 25/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KĐ, TỈNH HY

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ THnh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Binh và ông Vũ Quang Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ tham gia phiên tòa: ông Bùi Kim Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh HY, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 23/6/2023, theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST - HS ngày 11/7/2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn ĐL, thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H; Vợ: Đỗ Thị Thu H và có 02 con (con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2023, chuyển tạm giam ngày 25/3/2023 đến ngày 14/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn TQ, xã Phạm Ngũ Lão, huyện KĐ, tỉnh HY, giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh HY xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2023, chuyển tạm giam ngày 24/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh HY. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Dưỡng Phú, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, tại phiên tòa bà T khai sinh năm 1960 (có mặt).

Trú tại: thôn TQ, xã Phạm Ngũ Lão, huyện KĐ, tỉnh HY.

- Người làm chứng: Ông Trần Văn TH, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Trú tại: thôn TT, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn ĐL, thị trấn LB và Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn TQ, xã Phạm Ngũ Lão, đều thuộc huyện KĐ, tỉnh HY có quen biết và chơi với nhau.

Khoảng cuối tháng 02/2023, tại thôn TH, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY, D nhặt được của anh Nguyễn Trọng Hưng, sinh năm 1989, HKTT: Thôn Dưỡng Phú, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY 01 chiếc ví bằng da, màu nâu bên trong có: 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 03 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 89B1-887.62 đều mang tên Nguyễn Trọng H và số tiền 1.200.000 đồng. Sau khi tiêu hết số tiền nói trên của anh Hưng, để có tiền tiêu sài cá nhân, D đã gặp và nói với Q về việc D nhặt được chiếc ví và những giấy tờ nói trên. Sau đó D mượn điện thoại của Q và đăng lên tài khoản Facebook của Q bài viết về việc D nhặt được chiếc ví và những giấy tờ nói trên, đồng thời D đăng kèm theo số điện thoại 0824325658 của Q để khi người bị mất giấy tờ liên hệ xin lại D sẽ ép buộc họ phải chuộc bằng tiền. Sau khi đăng bài xong D trao đổi và thống nhất với Q nếu ai liên hệ xin lại chiếc ví và những giấy tờ nêu trên thì yêu cầu họ phải đưa cho D số tiền 10.000.000 đồng thì D mới trả lại giấy tờ, D sẽ chia cho Q 500.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 18/3/2023, sau khi anh H điện thoại vào số điện thoại của Q xin lại chiếc ví và những giấy tờ nêu trên. D và Q đặt ra điều kiện và yêu cầu anh H phải đưa cho D và Q số tiền 10.000.000 đồng, sau đó D và Q hạ số tiền đã yêu cầu anh H phải trả xuống còn 5.000.000 đồng thì D và Q mới trả lại cho anh Hưng chiếc ví và những giấy tờ bên trong. D nhận thấy số giấy tờ của anh H bị rơi gồm nhiều loại và đều là giấy tờ quan trọng, nếu làm lại được những giấy tờ nói trên anh Hưng phải thực hiện rất nhiều thủ tục, tốn kém nhiều lệ phí và thời gian nên D bảo Q nói với anh Hưng toàn bộ số giấy tờ nói trên của anh H, D đã cầm cố ở H Nội, nếu anh H không đáp ứng yêu cầu thì D và Q sẽ không trả lại giấy tờ để uy hiếp, tạo áp lực đối với anh H, khiến anh H lo ngại mà phải chấp nhận trả tiền theo yêu cầu của D và Q. Do sợ D và Q không trả lại giấy tờ và sợ D và Q sử dụng giấy tờ của mình vào việc vi phạm pháp luật nên anh H buộc phải đồng ý đưa cho D và Q số tiền 5.000.000 đồng, đồng thời hai bên hẹn gặp nhau tại cầu Điện Biên thuộc thôn TT, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY để giao tiền và giấy tờ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, D đưa chiếc ví và toàn bộ số giấy tờ của anh H cho Q rồi vào quán nước ở thôn TT, xã CN ngồi chờ, còn Q một mình điều khiển chiếc xe mô tô biển số 29X1-406.65 đến cầu

Điện Biên gặp anh H. Tại đây anh Hưng tiếp tục xin Q bớt cho 1.000.000 đồng, Q điện thoại hỏi ý kiến D thì D đồng ý. Khi anh H vừa đưa cho Q số tiền 4.000.000 đồng và nhận lại chiếc ví và những giấy tờ nói trên thì lực lượng Công an huyện KĐ đến kiểm tra, phát hiện và lập biên bản và thu giữ của Q số tiền 4.000.000 đồng, 01 chiếc xe mô tô biển số 29X1- 406.65, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1-406.65 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím; Quản lý của anh Nguyễn Trọng Hưng 01 chiếc ví bằng da, màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 89B1-887.62 đều mang tên Nguyễn Trọng H và 03 thẻ bảo hiểm y tế.

Cơ quan điều tra đã triệu tập và tiến Hnh làm việc với Phạm Văn D. Quá trình làm việc D đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc đã cũ để phục vụ công tác điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định: 01 chiếc ví bằng da, màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 89B1-887.62 đều mang tên Nguyễn Trọng H và 03 thẻ bảo hiểm y tế đều là tài sản và giấy tờ hợp pháp của anh H, còn số tiền 4.000.000 đồng quản lý của Nguyễn Văn Q chính là số tiền Q và D đã chiếm đoạt của anh Hưng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hưng những tài sản và giấy tờ nêu trên, anh Hưng đã nhận lại tài sản, giấy tờ của mình và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng, sau khi nhặt được D đã tiêu sài cá nhân hết nên không thu hồi được, nay anh H tự nguyện không yêu cầu D phải trả lại anh số tiền 1.200.000 đồng nêu trên.

Đối với 01 chiếc xe mô mô tô biển số 29X1-406.65 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1-406.65. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nói trên không phải là vật chứng trong vụ án nào mà là tài sản của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn TQ, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh HY (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn Q). Khi cho Q mượn chiếc xe mô tô nói trên bà T không biết Q sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý đối với bà T. Nay bà T xin được nhận lại chiếc xe và giấy đăng ký của chiếc xe mô tô nói trên.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím quản lý của Nguyễn Văn Q; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc quản lý của Phạm Văn D.

Quá trình điều tra xác định đều là tài sản hợp pháp của Q và D. Trong đó chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím quản lý của Nguyễn Văn Q và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc quản lý của Phạm

Văn D, Q và D sử dụng vào việc phạm tội còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222 không liên quan đến tội phạm, nay D xin được nhận lại.

Cáo trạng số 37/CT-VKSKĐ ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ đã truy tố Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo Q định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn D cho UBND thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 92 của Luật Thi Hnh án hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/3/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho sung quỹ Nhà nước nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím của Nguyễn Văn Q và chiếc điện thoại Iphone, vỏ màu bạc của Phạm Văn D. Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc sim lắp trong hai chiếc điện thoại nêu trên.

Trả lại cho Phạm Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe mô mô tô biển số 29X1-406.65 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1-406.65.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sư sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, Qết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hnh vi phạm tội của bị cáo*:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại anh Nguyễn Trọng H, các file dữ liệu được trích sao từ tài khoản Fecebook mang tên Nguyễn Văn Q, các tin nhắn trao đổi trên mạng xã hội Zalo giữa Nguyễn Văn Q và Phạm Văn D. Các vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm 01 chiếc ví bằng da, màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 89B1-887.62 đều mang tên Nguyễn Trọng H, 03 thẻ bảo hiểm y tế và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 18/3/2023 tại cầu Điện Biên thuộc thôn TT, xã CN, huyện KĐ, tỉnh HY, Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q sau khi nhặt được chiếc ví bên trong có: 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 03 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 89B1-887.62 và số tiền 1.200.000 đồng của anh Nguyễn Trọng H. D và Q đã dùng thủ đoạn đe dọa không trả lại số giấy tờ nêu trên cho anh Hưng nếu anh H không đưa cho D và Q số tiền như mong muốn đồng thời đã uy hiếp tinh thần khiến anh Hưng phải chấp nhận đưa tiền theo yêu cầu của D và Q. Khi D và Q đã chiếm đoạt được của anh H số tiền 4.000.000 đồng thì bị Công an huyện KĐ phát hiện bắt giữ.

Hành vi của của các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q lợi dụng việc nhặt được tài sản và các giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Trọng H nhưng không thực hiện việc trả lại cho anh H. Các bị cáo đe đọa sẽ không trả lại tài sản, các giấy tờ tùy thân và uy hiếp tinh thần để buộc anh H lo sợ và phải đưa tiền cho các bị cáo thì các bị cáo mới trả lại cho anh H. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ truy tố các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hnh vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hai khách thể của người khác được pháp luật bảo vệ đó là quyền tài sản và quyền nhân thân. Các bị cáo đều là người đã thành niên nhận thức

được nhặt được tài sản của người khác phải có trách nhiệm trả lại nhưng các bị cáo lại thực hiện việc đe dọa và uy hiếp tinh thần đối với người khác để buộc người khác phải miễn cưỡng đưa tiền cho các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình và tâm lý lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với Hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời để làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, ngày 19/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh HY xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án tích, do đó bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là Người phạm tội tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình, người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn D có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn Q có tiền án và bị Tòa án xét xử như đã nêu ở trên.

[6] Về hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm có tình chất giản đơn, mặc dù bị cáo D là người khởi xướng nhưng bị cáo Q là người thực hành tích cực, chính bị cáo Q là người trực tiếp đe dọa anh H và đến gặp anh H để nhận tiền từ anh H. Do vậy vị trí và vai trò của bị cáo D và Q trong vụ án là ngang nhau. Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, xét thấy bị cáo Q đã có tiền án và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dể cải tạo và giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo D có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Trọng H đã nhận lại tài sản, các giấy tờ và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Các tài sản đã bị thu giữ được chuyển theo hồ sơ vụ án gồm có 01 chiếc xe mô mô tô biển số 29X1-406.65 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1-406.65, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím thu của Nguyễn Văn Q và chiếc điện thoại Iphone, vỏ màu bạc của Phạm Văn D, đây là các chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại để sung quỹ nhà nước. Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc sim lắp trong hai chiếc điện thoại này.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222 do không liên quan đến tội phạm hoặc do phạm tội mà có.

Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe mô mô tô biển số 29X1- 406.65 và giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1- 406.65 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T cho Q mượn chiếc xe mô tô nói trên và bà T không biết Q sử dụng vào việc phạm tội đồng thời chiếc xe mô tô nêu trên không phải là vật chứng trong vụ án nào nên sẽ trả lại cho bà T chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 18 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q phạm tội ”Cưỡng đoạt tài sản”.

3. Về hình phạt:

3. 1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/3/2023.

3.2 Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời gian tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn D cho UBND thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY quản lý giám sát và giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 92 của Luật Thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Q định của Luật Thi hành án từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể Qết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hành phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Q định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1 Tịch thu cho sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu tím của Nguyễn Văn Q và chiếc điện thoại Iphone, vỏ màu bạc của Phạm Văn D. Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc sim lắp trong hai chiếc điện thoại nêu trên.

4.2 Trả lại cho Phạm Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có lắp sim có số thuê bao 0984.708.222.

4.3 Trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe mô mô tô biển số 29X1-406.65 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 29X1- 406.65.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2023 giữa Công an huyện KĐ và Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện KĐ).

5. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về Qền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại văng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thới hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV - Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người bị hại, người có Qền lợi nghĩa

vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ THnh Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ THnh

Long